UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ BÌNH AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 808 /TB-UBND	*Bình An, ngày 02 tháng 5 năm 2026*

THÔNG BÁO
Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức ảnh hưởng dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.769 đoạn qua xã Bình An (đợt 1)

Căn cứ điểm 1, khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024 và điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

UBND xã Bình An phối hợp Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh Long Thành tổ chức niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức ảnh hưởng dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.769 đoạn qua xã Bình An (đợt 1). Cụ thể như sau:

1. Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Đợt 01) đối với 45 hộ gia đình, cá nhân và tổ chức ảnh hưởng dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.769 đoạn qua xã Bình An, kèm theo *Phương án bồi thường, hỗ trợ các hộ dân thực hiện dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT. 769 đoạn qua xã Bình An*.

2. Thời gian niêm yết 10 ngày: Bắt đầu từ ngày 02/5/2026 đến hết ngày 12/5/2026.

3. Địa điểm niêm yết:

- Tại trụ sở UBND xã Bình An (khu tái định cư Long Đức, xã Bình An, thành phố Đồng Nai).
- Nhà văn hóa ấp An Bình và ấp An Viễng.
- Cổng Thông tin điện tử xã Bình An:

https://binhan.dongnai.gov.vn/

4. UBND xã Bình An,Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành thông báo đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết và có ý kiến đóng góp xin liên hệ đến UBND xã Bình An *(qua phòng Kinh tế xã Bình An)* hoặc Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành để được hướng dẫn, xem xét giải quyết; thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần (trong giờ hành chính).

Trong thời gian niêm yết, UBND xã Bình An, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh Long Thành sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan, tổng hợp ý kiến của các hộ gia đình, cá nhân (nếu có) để gửi đến các cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết. Hết thời gian niêm yết nêu trên, UBND xã Bình An sẽ phối hợp các cơ

quan có liên quan thực hiện các trình tự, thủ tục các bước tiếp theo, theo quy định của pháp luật.

5. Phòng Văn hoá – Xã hội xã Bình An có trách nhiệm đăng tải toàn bộ Thông báo này đính kèm phương án dự án và bảng tổng hợp trên cổng thông tin điện tử của UBND xã Bình An.

UBND xã Bình An đề nghị, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh Long Thành, Ban nhân dân ấp An Bình, ấp An Viễng và các hộ gia đình, cá nhân có tên trong Phương án niêm yết công khai được biết, phối hợp thực hiện ./.

Nơi nhận:
- TT. Đảng uỷ xã (báo cáo);
- TT. HĐND xã (báo cáo);
- TTPTQĐ thành phố Đồng Nai;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã Bình An;
- UBMTTQVN và các đoàn thể xã;
- Phòng VHXH xã;
- TTPTQĐ - CN Long Thành (phối hợp TB đến các hộ dân);
- Ban nhân dân ấp An Bình, ấp An Viễng (TB đến các hộ dân trên địa bàn);
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Thị Thùy Trinh

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

Số: 03 / TTPTQĐ.CNLT-BT.N3

V/v Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức ảnh hưởng dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769 đoạn qua xã Bình An.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày 02 tháng 5 năm 2026

Kính gửi: UBND xã Bình An.

Căn cứ điểm 1, khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Thực hiện Thông báo số 183/TB-UBND ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc kết luận của Đồng chí Nguyễn Văn Út – Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc họp kiểm điểm, đánh giá tình hình triển khai thực hiện giải ngân vốn đầu tư công năm 2026.

Ngày 03/5/2026, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân để thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường 769 đoạn qua xã Bình An (đợt 1) *(Đính kèm Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ).*

Nay Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành đề nghị UBND xã Bình An niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ

sở UBND xã Bình An, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi (ấp An Viễng, ấp An Bình), đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã Bình An trong thời hạn 10 ngày theo quy định tại điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

Đề nghị UBND xã Bình An quan tâm, sớm hỗ trợ thực hiện nội dung trên theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BGĐ.TTPTQĐCNLT;
- Tổ BT (đ/c Nhật; Sơn, Triều);
- Lưu: VT (T.A, Yến, Lệ).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

Mai Ngọc Thắng

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

Số: /PADK-TTPTQĐ.CNLT-BT.N3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày 02 tháng 5 năm 2026

PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN
Về bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân để thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường 769 đoạn qua xã Bình An

I. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật đất đai 2024 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 2/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2026/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 5356/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp mở rộng đường ĐT.769, huyện Thống Nhất và Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769, huyện Thống Nhất và huyện Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ, triển khai dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án giải phòng mặt bằng mở rộng ĐT.769;

Căn cứ Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 28/01/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769, huyện Thống Nhất và huyện Long Thành đoạn qua xã Bình An;

Căn cứ các thông báo thu hồi đất ngày 03/4/2026 của UBND xã Bình An về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769 đoạn qua xã Bình An;

Căn cứ vào danh sách xác định vị trí các thửa đất số 33/VPĐK.LT-TTLT ngày 25/02/2026; số 34, 35, 36/VPĐK.LT-TTLT ngày 26/02/2026; số 37, 38 /VPĐK.LT-TTLT ngày 28/02/2026 của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh

Long Thành;

Căn cứ Khoản 4, Điều 3, Nghị định số 88/2024/NĐCP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó "Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó". Căn cứ nội dung trên Ủy ban nhân dân xã Bình An chịu trách nhiệm các nội dung xác nhận tại các mẫu số 2,3,4 kèm theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Thực hiện Thông báo số 183/TB-UBND ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc kết luận của Đồng chí Nguyễn Văn Út – Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc họp kiểm điểm, đánh giá tình hình triển khai thực hiện giải ngân vốn đầu tư công năm 2026.

Căn cứ theo khoản 3, Điều 87, Luật đất đai năm 2024, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769 đoạn qua xã Bình An để tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cụ thể như sau:

II. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường đất:

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy đinh về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

Loại đất, vị trí đất để bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND xã Bình An về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, diện tích, loại đất; thông tin về đất, vị trí thửa đất, phiếu cung cấp thông tin, danh sách các thửa đất được xác định vị trí của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Long Thành *(UBND xã Bình An chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận về nguồn gốc đất theo quy định).*

Đơn giá bồi thường về đất:

Thực hiện theo Thông báo kết luận số 183/TB-UBND ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai. Theo đó, giao Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành thực hiện lập dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư với hệ số điều chỉnh giá đất tạm tính K=1,0 để thực hiện niêm yết công khai, thẩm định,

phê duyệt các phương án bồi thường đối với các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh. Sau khi hệ số điều chỉnh giá đất được ban hành, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh chỉ đạo các chi nhánh tiếp tục thực hiện lập và trình thẩm định, phê duyệt (bổ sung) phương án bồi thường đợt 2 với hệ số K được ban hành (đối với các trường hợp có hệ số K>1).

Từ cơ sở trên, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành áp giá bồi thường về đất với hệ số điều chỉnh giá đất tạm tính **K=1,0** nhân với giá đất được quy định cụ thể tại Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Khoản 1, Điều 5, Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai, quy định cụ thể như sau:

a) Giá đất vị trí 1: Được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy định này; trong đó:

- Phạm vi 1 được tính từ mốc hành lang an toàn đường bộ đến hết mét thứ 100: Tính bằng 100% giá đất nông nghiệp vị trí 1;

- Phạm vi 2 được tính từ mốc hành lang an toàn đường bộ có phạm vi từ trên 100 mét đến hết mét thứ 200: Tính bằng 80% giá đất nông nghiệp vị trí 1 nhưng không được thấp hơn giá đất tối thiểu theo từng địa bàn xã, phường quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Quy định này;

- Phạm vi 3 được tính từ mốc hành lang an toàn đường bộ có phạm vi từ trên 200 mét trở lên: Tính bằng 60% giá đất nông nghiệp vị trí 1 nhưng không được thấp hơn giá đất tối thiểu theo từng địa bàn xã, phường quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Quy định này.

b) Giá đất vị trí 2 (vị trí còn lại): Tính bằng 30% giá đất nông nghiệp vị trí 1, phạm vi 1 của tuyến đường giao thông quy định tại Phụ lục VII kèm theo Quy định này nhưng không được cao hơn giá đất tối đa và không được thấp hơn giá đất tối thiểu theo từng địa bàn xã, phường quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Quy định này.

Trường hợp thửa đất, khu đất tại vị trí 2 (vị trí còn lại) mà xác định vị trí theo nhiều tuyến đường giao thông tại Phụ lục VII kèm theo Quy định này thì giá đất được xác định theo tuyến đường giao thông có khoảng cách gần nhất tính từ mốc hành lang an toàn đường bộ đến thửa đất, khu đất. Trường hợp khoảng cách bằng nhau thì áp giá theo tuyến đường giao thông có mức giá cao nhất.

2. Bồi thường, hỗ trợ Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác:

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND xã Bình An về nguồn gốc thời điểm xây dựng Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác. UBND xã

Bình An chịu trách nhiệm về thời điểm xây dựng đối với nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác.

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

3. Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Số tiền bồi thường thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm nhân với đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ lục kèm theo các Quyết định này.

Đối với cây lâm nghiệp, cây hằng năm và những trường hợp cây lâu năm đơn lẻ thì Trung tâm thực hiện áp giá bồi thường, hỗ trợ. Đối với cây lâu năm chưa có Biên bản họp thống nhất năm trồng, năm thu hoạch của Hội đồng bồi thường xã Bình An, Trung tâm tạm thời chưa áp giá. Sau khi Hội đồng bồi thường xã thống nhất về năm tuổi, năm thu hoạch, Trung tâm sẽ thực hiện áp giá bổ sung.

4. Thưởng di dời:

Thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định: Căn cứ Điều 15, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5. Các chính sách hỗ trợ:

Đối với 45 trường hợp tại phương án này, UBND xã Bình An xác nhận hộ gia đình, cá nhân không đủ điều kiện được hỗ trợ theo các nội dung tại Mẫu số 04. Do đó, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành không tính toán các chính sách hỗ trợ theo quy định.

6. Nghĩa vụ tài chính:

Thực hiện trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành chuyển danh sách đến Thuế cơ sở 5 Đồng Nai xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

III. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng số trường hợp thu hồi: **45 trường hợp/49 thửa đất/7.038,2 m^2**,cụ thể như sau:

+ Đất nông nghiệp: 6.263,4 m^2.

+ Đất phi nông nghiệp (đất ở): 774,8 m^2.

- Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: **9.760.497.120 đồng.**

Trong đó:

- Bồi thường đất: 8.964.432.000 đồng.
- Thưởng di dời: 466.000.000 đồng.
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường (3,5%): 330.065.120 đồng.

(Đính kèm bảng tổng hợp)

Phương án dự kiến nêu trên sử dụng vào mục đích tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ ngay sau khi hết thời hạn niêm yết công khai tại UBND xã Bình An, Nhà văn hoá ấp An Viễng, Nhà văn hoá ấp An Bình, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã Bình An trong thời hạn 10 ngày, đề nghị UBND xã Bình An ghi nhận ý kiến (nếu có) của các hộ dân về phương án bồi thường, hỗ trợ dự kiến.

Trên đây là phương án về bồi thường, hỗ trợ dự kiến thuộc dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.769 đoạn qua xã Bình An (đợt 1).

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Thuộc dự án: Nâng cấp mở rộng tuyến đường 769 đoạn qua xã Bình An

(Đính kèm phương án bồi thường dự kiến ngày 02/5/2026 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Chi nhánh Long Thành)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)								Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Tổng	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp				Chưa sử dụng					
				Tổng	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa						
1	Võ Thị Hồ	Ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	150,7			**150,7**	150,7				110.011.000		12.000.000	**122.011.000**	
2	Nguyễn Quang Huy	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	186,8			**186,8**	186,8				136.364.000			**136.364.000**	
3	Võ Thị Xuân Hương	ấp An Viễng, xã Bình An, TP. Đồng Nai	169,5			**169,5**	169,5				123.735.000		12.000.000	**135.735.000**	
4	Trần Thị Hồng Thủy	Ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	199,5			**199,5**	199,5				145.635.000		12.000.000	**157.635.000**	
5	Nguyễn Thành Long - Hà Thị Búp	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	97,9			**97,9**	97,9				71.467.000		8.000.000	**79.467.000**	
6	Phạm Thanh Sơn - Đỗ Thị Phượng	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	304,4			**304,4**	304,4				222.212.000		16.000.000	**238.212.000**	
7	Võ Xuân Tiến - Võ Thị Diễm Thúy	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	124,4			**124,4**	124,4				90.812.000		8.000.000	**98.812.000**	
8	Nguyễn Thị Huệ Mai	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	214			**214**	214				156.220.000		12.000.000	**168.220.000**	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)							Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Tổng	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp								
				Tổng	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa	Chưa sử dụng					
9	Nguyễn Thụy Vy Thư	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	100,9			**100,9**	100,9				73.657.000		8.000.000	**81.657.000**	
10	Mai Xuân Tiến - Vũ Thị Kim Chi	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	165			**165**	165				120.450.000		12.000.000	**132.450.000**	
11	Trịnh Văn Đức - Lê Thị Dè	Ấp An Viễng - xã Bình An, TP. Đồng Nai	9,3			**9,3**	9,3				6.789.000		2.000.000	**8.789.000**	
12	Phạm Văn Phồn (ĐG) - Hoàng Thị Anh (ĐG-chết) - chưa xác định người thừa kế hợp pháp	ấp An Viễng, xã Bình An, TP. Đồng Nai	3			**3**	3				2.190.000		2.000.000	**4.190.000**	
13	Phạm Thị Lý	ấp An Viễng, xã Bình An, TP. Đồng Nai	26,1			**26,1**	26,1				19.053.000		2.000.000	**21.053.000**	
14	Trần Ngọc Quang - Lê Thị Lạc	ấp An Viễng, xã Bình An, TP. Đồng Nai	90,3			**90,3**	90,3				65.919.000		8.000.000	**73.919.000**	
15	Trần Quang Duy - Lê Thị Cầu	ấp An Viễng, xã Bình An, TP. Đồng Nai	101,9			**101,9**	101,9				74.387.000		8.000.000	**82.387.000**	
16	Trần Quang Quý	338/78/30 khu phố 13, P. Long Bình, TP. Đồng Nai	154,6			**154,6**	154,6				112.858.000		12.000.000	**124.858.000**	
17	Phạm Vũ Chinh Nam	ấp An Viễng, xã Bình An, TP. Đồng Nai	104,8			**104,8**	104,8				76.504.000		8.000.000	**84.504.000**	
18	Nguyễn Văn Thanh	Tổ 6, ấp 1, xã Dầu Giây, TP. Đồng Nai	278,3			**278,3**	278,3				203.159.000		16.000.000	**219.159.000**	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)								Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Tổng	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp				Chưa sử dụng					
				Tổng	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa						
19	Nguyễn Công Thành - Lê Thị Nhi	ấp An Viễng, xã Bình An, TP. Đồng Nai	410,6			**410,6**	410,6				299.738.000		16.000.000	**315.738.000**	
20	Phạm Thị Xuân Hồng	ấp Cẩm Đường, xã Xuân Đường, TP. Đồng Nai	99,2			**99,2**	99,2				72.416.000		8.000.000	**80.416.000**	
21	Nguyễn Bá Quang	ấp An Viễng, xã Bình An, TP. Đồng Nai	110			**110**	110				80.300.000		8.000.000	**88.300.000**	
22	Phạm Thị Kim Hương	ấp Sa Cá, xã Bình An, TP. Đồng Nai	91,3			**91,3**	91,3				66.649.000		8.000.000	**74.649.000**	
23	Phạm Vũ Tịnh Kha	Khu phố Phước Tấn, Phường Tân Hải, TP. HCM	269,6			**269,6**	269,6				196.808.000		12.000.000	**208.808.000**	
24	Đỗ Văn Diện	ấp An Bình, xã Bình an, TP, Đồng Nai	76,1			**76,1**	76,1				55.553.000		8.000.000	**63.553.000**	
25	Ngô Đình Lâm - Nguyễn Thị Quyên	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	178,9			**178,9**	178,9				130.597.000		12.000.000	**142.597.000**	
26	Nguyễn Hoàng Phúc	KP. Phước Hải, P. Long Thành, TP. Đồng Nai	273,8			**273,8**		273,8			199.874.000		12.000.000	**211.874.000**	
27	Nguyễn Phước Sơn - Nguyễn Thị Ninh	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	421,8			**421,8**	421,8				307.914.000		16.000.000	**323.914.000**	
28	Nguyễn Thành Trung - Huỳnh Thị Điệp	Ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	1,8			**1,8**	1,8				1.314.000		2.000.000	**3.314.000**	
29	Nguyễn Hữu Kỳ	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	134,8			**134,8**	134,8				98.404.000		8.000.000	**106.404.000**	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)								Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Tổng	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp				Chưa sử dụng					
				Tổng	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa						
30	Nguyễn Văn Lưỡng	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	148,9			**148,9**	148,9				108.697.000		12.000.000	**120.697.000**	
31	Nguyễn Thị Cúc	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	79,3			**79,3**	79,3				57.889.000		8.000.000	**65.889.000**	
32	Nguyễn Hữu Bường	Ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	136,1			**136,1**	136,1				99.353.000		8.000.000	**107.353.000**	
33	Vũ Xuân Bách	phường Long Thành, TP. Đồng Nai	89,1			**89,1**	89,1				65.043.000		8.000.000	**73.043.000**	
34	Hồ Thành Chung	ấp An Viễng, xã Bình An, TP. Đồng Nai	169,7			**169,7**	169,7				123.881.000		12.000.000	**135.881.000**	
35	Nguyễn Mậu Hưng	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	147,3			**147,3**		147,3			107.529.000			**107.529.000**	
36	Trần Văn Lượng - Đỗ Thị Thảo	ấp An Viễng, xã Bình An, TP. Đồng Nai	156,6	99,5	99,5	**57,1**	57,1				618.783.000		20.000.000	**638.783.000**	
37	Nguyễn Tiến Dzũng - Trần Thị Ngọc Yến	ấp An Viễng, xa Bình An, TP. Đồng Nai	61,1	29,1	29,1	**32**	32				206.690.000		16.000.000	**222.690.000**	
38	Bùi Vinh Quang	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	285	200	200	**85**	85				1.082.050.000		20.000.000	**1.102.050.000**	
39	Nguyễn Mậu Hưng - Trần Ngọc Thịnh	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	249,3	2,5	2,5	**246,8**		246,8			192.914.000		12.000.000	**204.914.000**	
40	Võ Hoàng Nghiêm - Nguyễn Thị Mỹ Hiền	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	151,1	1,5	1,5	**149,6**	149,6				116.858.000		12.000.000	**128.858.000**	
41	Nguyễn Quang Huy - Bùi Thị Lệ	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	56,6	47,9	47,9	**8,7**	8,7				250.641.000		16.000.000	**266.641.000**	
42	Nguyễn Đức Thịnh - Đỗ Thanh Gấn	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	198,4	6,1	6,1	**192,3**	192,3				171.489.000		12.000.000	**183.489.000**	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)								Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Tổng	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp				Chưa sử dụng					
				Tổng	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa						
43	Trần Thanh Thảo	ấp An Viễng, xã Bình An, TP. Đồng Nai	308	254,2	254,2	**53,8**	53,8				1.513.634.000		20.000.000	**1.533.634.000**	
44	Nguyễn Chông - Nguyễn Thị Phi	ấp An Viễng, xã Bình An, TP.Đồng Nai	250,2	131,8	131,8	**118,4**		118,4			916.772.000		20.000.000	**936.772.000**	
45	Trần Thị Hải Hiền - Trần Duy Hưng - Trần Văn Dũng - Trần Thị Phượng (đồng sử dụng)	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	2,2	2,2	2,2						11.220.000		2.000.000	**13.220.000**	
Tổng			**7.038,20**	**774,8**	**774,8**	**6.263,40**	**5.477,10**	**786,3**	**0**	**0**	**8.964.432.000**	**0**	**466.000.000**	**9.430.432.000**	
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:														**9.430.432.000**	
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%														**330.065.120**	
Tổng cộng (1+2):														**9.760.497.120**	

Bằng chữ: Chín tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu, bốn trăm chín mươi bảy ngàn, một trăm hai mươi đồng